

NHÀ CỔ CỦA GIA ĐÌNH BÀ NGUYỄN THỊ HÒA

(Xã Hiệp Hòa - thành phố Biên Hòa)

Tọa lạc bên dòng sông Đồng Nai hiền hòa, nằm giữa khu vườn rộng 7.000m² với những hàng cây ăn trái bao bọc xinh quanh tạo không gian trở nên thơ mộng và thoáng mát cho ngôi nhà của bà Nguyễn Thị Hòa ở số 85/1 ấp Nhất Hòa - xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa. Ngôi nhà có diện tích 120m² quay mặt về hướng đông bắc. Trải qua bao thăng trầm lịch sử, với sự tác động của tự nhiên và xã hội ngôi nhà vẫn phẳng phất đâu đó bóng dáng của người xưa như ân cần nhắc nhở con cháu giữ gìn nề nếp gia phong, truyền thống đạo lý. Qua bao thế hệ ngôi nhà vẫn toát lên vẻ uy nghi, linh thiêng, thâm nghiêm của một ngôi từ đường, nơi hương hỏa của con cháu gia tộc họ Nguyễn đối với những bậc tiền nhân đã từng sống và gây dựng nên cơ nghiệp này.

Quá trình hình thành và phát triển của dòng họ Nguyễn gắn liền với quá trình phát triển của Cù Lao Phố, dòng họ ngày một lớn mạnh trên nền tảng những người đi trước vun đắp cho thế hệ đi sau, trên những thuận lợi ưu ái của thiên nhiên cho vùng đất

này. Từ chỗ là dân tha phương, dòng họ Nguyễn đã tạo được vị thế vững chắc trong xã hội phong kiến lúc bấy giờ, nhiệt tình, hăng say và sáng tạo trong lao động sản xuất xây dựng kinh tế vững chắc là cơ sở để kiến tạo nên ngôi nhà khang trang theo lối kiến trúc của quê hương.

Ngày nay những tư liệu về ngôi nhà không còn, con cháu của dòng họ Nguyễn chỉ biết được lai lịch của ngôi nhà chủ yếu qua lời kể của các bậc tiền nhân và cho đến nay những thông tin về người đứng ra xây dựng ngôi nhà, xây dựng trong bao lâu, nguyên vật liệu, thợ xây dựng nguồn gốc từ đâu... tất cả đều không còn ai nắm rõ được, chỉ biết rằng ngôi nhà đã hiện hữu ở đó từ những năm 1900. Với khoảng thời gian hơn một trăm năm tồn tại, chịu nhiều tác động của chiến tranh, mưa nắng, lũ lụt ngôi nhà giờ đây chỉ còn bộ khung, cột nhà chính. Tuy nhiên các vật dụng trong nhà như tủ thờ, ván ngựa, bàn thờ, liễn đối, bàn ghế... đều được bảo quản cẩn trọng. Tất cả các công trình phụ của ngôi nhà đã không còn một dấu tích nào để chứng minh cho một thời tồn tại của nó trong khuôn viên hiện hữu.

Ngôi nhà được thiết kế theo dạng nhà nóc ngựa hay còn gọi là nhà cột giữa, nhà rọi, kiểu nhà phổ biến ở miền Trung, vùng Ngũ Quảng được lưu dân mang theo vào vùng đất mới. Nhà gồm 3 gian, 2 chái xây

kiểu chữ nhất. Toàn bộ ngôi nhà có 30 cây cột, phân bố thành 5 hàng mỗi hàng 6 cột gỗ chạy song song với nhau, chân cột được kê trên tảng đá xanh chống lún có kích thước (40 x 40cm). Hàng cột giữa chia mái nhà thành hai phần bằng nhau, 4 cây cao nhất được nối với nhau bằng đòn dông, cũng là điểm giao nhau của các vì kèo mái trước và mái sau, mỗi cột đều có hai cánh dơi tác dụng đỡ đầu kèo. Hệ thống cột, kèo, xuyên, đòn tay, rui, mè được liên kết bằng mộng chốt trong thế liên hoàn tạo cho toàn bộ khung nhà chắc chắn hơn. Cây xuyên chạy chỉ thẳng tắp nối liền các hàng cột thứ 2 và thứ 4 với nhau, mỗi đoạn kèo đều có lá dung vược dài làm cầu nối đỡ các đoạn kèo phía sau đảm bảo tính liên tục, vững chắc kèo từ hàng cột nhì được gác lên tường gạch, vì kèo để trơn không chạm trở hoa văn. Hai chái nhà có kèo đâm, kèo quyết giúp cho diện tích ngôi nhà được mở rộng ra hai chái và mái nhà trước sau, hai buồng đặt ở hai chái nối với nhau bởi hành lang nội phía sau, buồng được thiết kế vách ngăn kín đáo, mặt trước của chái nhà là những tấm ván thẳng ghép vào nhau, phía trên là cánh en được trang trí bằng các ô hình học chủ yếu là hình thoi, song tiện.

Phần “nội tự - ngoại khách” được phân chia bằng hàng cột giữa, trang trí nối liền các cột bằng hệ thống bao lam màu đen được chạm lõng, chạm nổi các-

môtip mai - điều - tùng - lộc - trúc - tước... Vách lá gió bên trên bao lam cũng được trang trí theo lối ô hộp, song tiện, khuôn bông kết hợp trang trí với các đề tài chim - hoa, dây - hoa - lá. Đặc biệt trên các cột giữa đều được treo các bức liễn hình chữ nhật cẩn xà cừ theo từng nét chữ Hán, thành một khổ thơ, sau một khổ thơ được trang trí bằng một cội mai già và chim cẩn xà cừ theo môtip cội mai nở đầy bông và chim chuyển cảnh rất sống động, nhưng nếu nhìn tổng thể cội mai sẽ thấy hình một con chim phụng đang bay lượn. Các cột ở gian bên cũng treo bức liễn được cẩn xà cừ, các môtip là hình ông lão đang cưỡi mây, dây lá hóa long, bát bửu như: pho sách, tù và...

Không gian tiếp khách của ngôi nhà được bày trí một bàn hình chữ nhật với 4 ghế vuông, giữa hai ghế là một bàn vuông nhỏ, xung quanh cạnh bàn được trang trí bằng những hạt chuỗi đen nhánh. Đầu của 4 chân bàn được chạm hình đầu rồng, dưới 4 chân chạm mô phỏng móng chân sư tử, nhìn vào bàn sẽ thấy dáng hình con mãnh thú oai phong lắm liệt. Để tạo thêm nét đẹp độc đáo cho chiếc bàn, các nghệ nhân đã gia cố cho bao lam giữa các chân bàn chạm lõng các môtip dân gian như hoa mai, chim sẻ, trúc, tùng, hạc... Các ghế ngồi toàn bộ mặt tựa đều được chạm lõng hình hoa mai, hồi văn, trúc, hươu, hạc trong tư thế chuyển cảnh nối đuôi nhau tạo thành

vòng tròn. Các đề tài được chạm khắc khá tinh tế, công phu thể hiện óc quan sát và tài nghệ lão luyện của những người thợ xưa. Hai gian bên được đặt hai bộ ván ngựa theo kiểu bày trí truyền thống ở các ngôi nhà xưa. Nhìn chung nơi tiếp khách được gia chủ bày trí một cách trang trọng khéo léo, gọn gàng, từng vật dụng đều có một ý nghĩa riêng, là nơi chỉ dành riêng để tiếp khách quý của gia chủ.

Khu thờ tự tọa lạc phía sau hàng cột giữa và ngăn với nhà trong bằng vách ván được đặt dọc ở hai bên, gian chính chính giữa trở hai cửa để làm lối ra vào. Cánh cửa được thiết kế theo kiểu “thượng song hạ bản” (trên song dưới bản khoa). Phía trên cửa là một khánh thờ Quan Thế Âm Bồ Tát, bao lam của khánh thờ được trang trí chạm lõng môtip dây hoa lá hóa long, sơn son thếp vàng trên nền đỏ. Hai cột giữ khánh thờ treo hai tấm liễn đen khắc chữ Hán được thếp vàng với nội dung:

Sáng nghiệp duy gian tổ phụ bị đương tân khổ

Thủ thành bất dị tử tôn nghi giới xa hoa.

Tạm dịch:

Mở mang cơ nghiệp là khó, ông cha chịu đủ điều cay đắng

Giữ lấy làm nên không dễ, cháu con nên phải chớ xa hoa.

Câu giáo huấn trên của tổ tiên là lời nhắc nhở con cháu hôm nay phải biết nâng niu, gìn giữ những gì đã có, bởi để có được cơ nghiệp hôm nay không phải là một điều dễ dàng, ông cha ngày xưa phải đánh đổi biết bao mồ hôi xương máu mới có được, quá trình tạo dựng sự nghiệp của tổ tiên là vô cùng khó khăn, gian nan mới có được.

Ba gian nhà đặt ba bàn thờ được bày trí trang trọng và tôn nghiêm nhất, gian chính giữa là tủ thờ trên có lư hương, lục bình, chò quả, chân đèn theo cách trưng bày truyền thống “đông bình tây quả”. Chân chò quả được làm bằng gỗ chạm trổ công phu, tỉ mỉ đến từng chi tiết theo tư thế ba con rồng tựa thân vào nhau đầu rồng vươn ra ba hướng. Mặt trước của tủ thờ được chạm cẩn xà cừ môtip mai - điệp, qua - điệp, cây lựu, hoa mẫu đơn... Phía sau tủ đặt một bàn thờ, trên bàn là di ảnh ông bà thân sinh bà Nguyễn Thị Hòa - chủ nhà hiện tại. Hai gian bên đặt hai bàn thờ, trên bàn bố trí bộ lư hương, chò quả, chân đèn cổ, phía trong cùng đặt bài vị của các tiền nhân, bàn thờ bên trái đặt bài vị bên họ nội, bàn bên phải đặt bài vị bên họ ngoại. Toàn bộ thân, cạnh, chân của bàn thờ đều được chạm cẩn xà cừ rất công phu các đề tài dân gian về bức tranh thiên nhiên cỏ cây và muông thú của vùng đất Nam bộ như: hoa mai, chim, hươu, tùng, lộc, Phật thủ, sóc...

Nhìn chung, tất cả các bộ phận trong ngôi nhà đều được thiết kế theo nguyên tắc đối xứng từ số gian, số cột, cửa, khuôn bông, cánh én đến các họa tiết dù là nhỏ nhất, thể hiện các đề tài dân gian truyền thống một cách điêu luyện về cả hình thức lẫn nội dung biểu đạt.

Hiện ngôi nhà do bà Nguyễn Thị Hòa đại diện cho dòng họ Nguyễn trông coi và gìn giữ. Gần đây trong điều kiện kinh tế cho phép anh em, con cháu trong dòng họ đã đóng góp tiền của, công sức để trùng tu lại ngôi nhà với mong muốn bảo lưu vĩnh viễn cơ nghiệp mà cha ông đã gây dựng, ngôi nhà giờ đây đã được thay mái ngói âm dương bằng ngói phẳng, thay hệ thống ván vách bao quanh nhà bằng tường xây gạch, xây mới hàng cột hiên thay cho cột gỗ đã bị mối, mọt hủy hoại.

Sự hiện diện của ngôi nhà trong suốt thế kỷ qua đã góp phần tô thêm vẻ đẹp nên thơ của vùng đất Cù Lao Phố một thời được xem là đô hội, phồn vinh, hưng thịnh vào bậc nhất vùng đất Nam bộ vào thời kỳ khai phá. Ngôi nhà còn phản ánh được phần nào đặc điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội của một thời kỳ lịch sử của vùng đất này. Ngôi nhà chuyển tải được tâm tư tình cảm của những bậc tiền nhân xưa, gửi vào đấy tất cả những kỳ vọng về một cuộc sống no ấm, hạnh phúc cho con cháu mai sau. Nghệ thuật trang trí trong ngôi

nhà còn thể hiện được sức lao động nghệ thuật phi thường của các nghệ nhân đã thổi hồn vào những cây gỗ tạo nên những tác phẩm tuyệt vời.

Vượt lên trên chức năng là nơi thờ cúng tổ tiên và nơi ở, ngôi nhà còn hướng ta đến giá trị đích thực của chân - thiện - mỹ, là cầu nối của quá khứ, hiện tại và tương lai.

NHÀ CỔ CỦA GIA ĐÌNH ÔNG NGUYỄN VĂN ÂN

(Phường Thống Nhất - thành phố Biên Hòa)

Phường Thống Nhất được hình thành từ tháng 9 năm 1975 trên cơ sở nhập 3 ấp ven của xã Bình Trước là Tân Mai, Lân Thành, Thị Vinh. Vị trí địa lý nằm về phía nam thành phố Biên Hòa với diện tích tự nhiên khoảng 315ha, được bao bọc bởi các đường giao thông chiến lược như quốc lộ 15 (phía bắc), sông Đồng Nai (phía nam) và đường sắt Bắc - Nam chạy xuyên qua. Là vùng đất tương đối màu mỡ bởi lượng phù sa mà dòng sông Đồng Nai vẫn hàng năm bồi đắp, nơi đây thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, lập các vườn cây ăn quả và giao lưu buôn bán. Vì vậy từ xa xưa đã là nơi có "địa cuộc" tốt được các lưu dân chọn làm nơi dừng chân để bắt đầu một cuộc sống mới.

Vào những năm cuối thế kỷ XIX, ông Nguyễn Văn Sỏi xuất thân từ lưu dân Ngũ Quảng cũng theo làn sóng di dân "đất lành chim đậu" đã chuyển gia đình từ Bình Dương đến vùng đất này với quyết tâm lập nghiệp. Cùng vợ và 3 con (1 trai, 2 gái) ngày đêm lao động cần cù, nhẫn nại, khắc phục khó khăn gian khổ để khai hoang mở đất, thành quả có được sau vài năm

ông đã có trong tay vài chục mẫu đất, trở thành một phú nông giàu có nổi tiếng trong vùng, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển của dòng họ Nguyễn Văn ngày nay ở phường Thống Nhất. Minh chứng cho thành quả lao động và công đức của ông tài liệu lưu ở Đình thần Hóa An (xã Hóa An, thành phố Biên Hòa) còn ghi khi xây dựng đình ông đã bỏ tiền ra mua rồi cúng lại 7 sào đất cho đình. Khi ông qua đời, hàng năm đến ngày cúng đình nhớ công đức đó Ban Quý tế đều mang lễ vật sang gia đình thắp nhang cảm tạ. Về sau này ít người còn nhớ nữa nhưng công đức và tấm lòng của ông vẫn được truyền lại trong tâm trí của các thế hệ con cháu trong gia đình họ Nguyễn.

Đến đời ông Nguyễn Văn Vạn (con trai ông Sỏi) là người được học hành chu đáo trở thành một nhà nho nổi tiếng thời ấy. Ông cũng là người sớm có ý thức về sự tồn vong của gia tộc, cộng với nền kinh tế gia đình không ngừng lớn mạnh là tiền đề để ông sớm đi đến quyết định xây dựng một ngôi nhà khang trang để làm nơi thờ tự, nơi con cháu sum họp và là nơi bảo lưu những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình.

Theo đường ray xe lửa từ cầu Rạch Cát về ga Biên Hòa, tọa lạc tại số 1/3, khu phố 6, phường Thống Nhất cách đường ray chừng 20m về hướng bắc ta sẽ tiếp cận với di tích nhà xưa này một cách dễ dàng. Ngôi nhà hiện nằm ẩn mình trong vườn cây trái lâu năm

quanh năm tỏa bóng mát, khuôn viên rộng chừng 4.500 m², bao bọc xung quanh những giàn hoa lý, hoa dâm bụt đang độ khoe sắc, hương thơm phảng phất như mời gọi ong, bướm dập dờn đến hút mật. Tất cả vẽ nên một bức tranh cổ kính, không gian tĩnh lặng tạo cho ta cảm giác thật thoải mái, dễ chịu như đang quay về với không gian sống ẩn dật của các bậc tiền nhân xưa trong sách thánh hiền. Ngôi nhà như vẫn trong một giấc ngủ dài từ quá khứ xa xăm.

Căn cứ vào nền móng đá ong còn lại thì ngôi nhà ban đầu được dựng theo kiểu nhà chữ công (工): một nhà ngang (nhà chính) là nơi thờ tự và tiếp khách, hai nhà dọc (nhà phụ) là nơi dành cho mọi sinh hoạt thường nhật của các thành viên trong gia đình, tổng diện tích toàn nhà lên tới 504 m², nhà quay theo hướng tây nam. Về sau khi các con của ông Vạn (5 trai, 5 gái) đến tuổi trưởng thành, lập gia đình ông cho người con trai thứ năm tháo dỡ nhà phụ phía tây, người con trai thứ bảy nhà phụ phía đông ra cất nhà ở riêng. Nhà chính còn lại thuộc quyền thừa kế của người con trai út là ông Nguyễn Văn Ân. Phần nhà chính đến nay đã được sửa chữa hai lần vào năm Nhâm Thìn (1952), sau trận lũ lụt do mối mọt hủy hoại nên đã thay toàn bộ hệ thống vách ván bao quanh nhà bằng tường gạch, bỏ gạch cửa thay cửa ghép bản lế vào tường; năm 1998 thay toàn bộ mái lợp ngói âm dương bằng ngói Tây.

Tuy nhiên tất cả các hạng mục còn lại của ngôi nhà vẫn giữ được nét đặc sắc của một công trình kiến trúc nghệ thuật dạng kiến trúc dân dụng nhà ở, thể hiện rõ nét nhất ở hệ thống kết cấu của khung nhà, các môtip hoa văn trang trí, sự phân chia nơi ở, nơi thờ tự, nơi tiếp khách và cách bày trí, sắp xếp hài hòa các đồ vật gia dụng... tạo cho ngôi nhà có đầy đủ những đặc tính của một ngôi nhà truyền thống người Việt.

Khung nhà được kết cấu theo kiểu xuyên trính (hay còn gọi nhà đâm trính, nhà rường, nhà chày cối), 3 gian hai chái mở rộng được chống đỡ bởi hệ thống cột gỗ căm xe, gỗ đỏ, gỗ mật bóng láng. Có 6 hàng cột, mỗi hàng 6 cột, chân cột kê đá tảng, hai hàng cột chính mỗi hàng 8 cột có đường kính đều nhau (Ø40) và kích thước giảm dần ở các hàng cột quân (cột phụ) Ø35, cột đứng vách Ø30, cột hiên Ø25, riêng các hàng cột ở hiên trước và hiên sau đầu cột đỡ mái nghiêng về phía cột chính, chân cột choãi ra phía ngoài, tuy nhiên đây không phải do sai lệch về kỹ thuật trong kết cấu, mà có chủ định của những người thợ khi dựng nhà, tạo độ giằng chắc chắn, vững chãi cho toàn bộ khung nhà. Tất cả xuyên, trính, vì kèo, rui, mè, đòn tay đều được gia công từ những cây gỗ cắm lại tạc đẽo công phu chạy chỉ, cây xuyên chạy nối; tâm các hàng cột, cây trính uốn cong uyển chuyển nối hai hàng cột chính với nhau. Từ trính nối lên hai đầu kèo giao nhau

có môtip chày cối chống nóc; hệ thống vì kèo nối liên tiếp từ nóc tài xuống các hàng cột, mỗi đoạn kèo đều có đuôi cá vươn dài, làm nhịp cầu nối đỡ đoạn kèo phía dưới theo kiểu gối đầu đảm bảo tính liên tục, vững chắc. Chạm khắc trang trí trên vì kèo và các cây xuyên ngang phía trước là các họa tiết hoa văn như Phât thủ, các môtip dây - hoa - lá đan xen hài hòa. Đặc biệt các đầu kèo đều chạm đầu rồng cách điệu, hai bên hông đuôi kèo chạm nổi những môtip vân hóa long, dây - hoa - lá với đường nét sắc sảo, thanh thoát rất sống động.

Trang trọng nhất trong ngôi nhà phải nói đến là hệ thống bao lam còn nguyên vẹn được gia cố cho từng cặp cột ở ba gian thờ, các đề tài trên bao lam vừa truyền thống mang tính ước lệ như mai - lan - cúc - trúc, long - lân - quy - phụng, phù dung - điệp (hoa phù dung và bướm), phượng và hoa, cúc - thư, cúc - tri, trúc - tước... Ấn tượng nhất là đề tài hoa - điểu (chim và hoa) với hình ảnh bầy chim trên một cành cây hoa với 4 tư thế phi (bay), minh (hót), túc (ngủ gật), thực (ăn mồi, mổ trái); "phi - minh - túc - thực" có ý nghĩa biểu trưng cho sự thăng tiến, danh giá, đầy đủ và bổng lộc; tính dân gian như được thể hiện bởi hình ảnh tùng - điểu, cây tùng với con cò, các đề tài hoa trái, muông thú và hình ảnh các loại trái cây, chim thú ở vùng đất phương Nam. Tất cả những đồ án trên bao

lam hàm chứa sự cầu mong cuộc sống bình an, hạnh phúc, phú quý và trường thọ. Đặc biệt kỹ thuật chạm khắc trên bao lam là tập hợp khá phong phú của các kỹ thuật chạm lõng, chạm nổi, chạm “bong kênh”, với thủ pháp điêu luyện và chắc tay thể hiện phong cách nghệ thuật chạm gỗ đặc sắc ở Nam bộ vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Góp phần làm cho ngôi nhà thêm cổ kính và thâm nghiêm là hệ thống hoành phi, liễn đối khắc bằng chữ Hán đường nét sắc sảo, được sơn son thếp vàng còn khá nguyên vẹn. Tất cả có bốn bức hoành phi hình chữ nhật, bốn cặp liễn đối có nội dung, ý nghĩa ca ngợi công đức của tổ tiên và giáo huấn con cháu đời sau phải luôn khắc ghi công đức đó bằng việc để cao chữ hiếu, lễ trong gia đình, coi trọng chữ đức, chữ trung và tín, cuộc sống phải hướng tới cái - chân - thiện - mỹ... Hoành phi treo trên bao lam gian giữa có khắc ba chữ *Đức lưu phương* (đức lưu tiếng thơm), ở hai gian bên là các hoành phi có nội dung *Chữ trung tín* (cốt là ở đức trung và tín) gian bên hữu, hoành phi *Thân hiếu đễ* (duy trì hiếu và đễ) gian bên tả, cuối cùng là hoành phi treo trên cây xuyên ở gian giữa của hàng cột cái trước khắc ba chữ *Nguyễn phủ đường* (nhà thờ họ Nguyễn). Liễn được treo trên các hàng cột cái trước và sau của cả ba gian. Phía trên và dưới mỗi bức liễn được trang trí các dây - hoa - lá màu vàng. Tiêu biểu

nhất là cặp liễn đối ở hàng cột cái phía trong khu thờ tự gian giữa:

Tích đức thẳng di kim thực thể đương tuân Tư mã huấn

Duy thiện dĩ vi bảo trì thân nghi tình Sở thư ngôn.

Tạm dịch:

Tích đức hơn để vàng, trọn đời nghe theo lời dạy của quan Tư Mã

Chỉ coi thiện là quý, giữ thân nên xét lời ở Sở thư.

Ngôi nhà được bày trí theo quy ước truyền thống ba gian có ba bàn thờ, bàn chính giữa thờ ông bà cố (ông bà Nguyễn Văn Sỏi) bên trong có trang thờ khắc hai chữ “Từ đường”, hai bên ghi “Tôn vạn cổ thánh hiền lễ lạc. Tự nhất gia thế đại nguyên lưu” (Làm theo cái cổ xưa là chăm lo đến việc lễ lạc thánh hiền. Việc tế tự trong gia đình muôn đời phải được kế tục). Bên trên bàn thờ gian giữa là khánh thờ, giữa thờ Phật, bên hữu thờ Quan Công nổi bật với hai câu đối: “Trung cương huyền nhật nguyệt. Nghĩa khí quán càn khôn” (Tấm lòng Quan Thánh trung cương vằng vặc như mặt trăng mặt trời. Nghĩa khí ngàn ngụt bao trùm trời đất). Bên trái (nhìn từ trong ra) đặt bàn thờ ông bà nội (Nguyễn Văn Vạn) với trang thờ chính giữa ghi 4 chữ Hán: “Xuân tuyên cãng tú” (Cây xuân chớm đơm hoa), bên phải ghi: “Bách đại hiếu từ cao ngưỡng chi” (Hết từ trăm đời

đứng ngẩng cao trông), bên trái ghi: “*Vạn niên chi phái
vĩnh lưu thông*” (Chi phái muôn năm thông chảy mãi),
bên phải đặt bàn thờ ông Nguyễn Văn Ân có trang
thờ khắc bốn chữ: “*Sơn thủy trường xuân*” (Núi sông
mãi mãi tươi đẹp) phía bên phải ghi: “*Tiên đại dị mưu
do đức trạch*” (Đời trước để lại cơ đồ từ đức trạch), bên
trái “*Hậu nhân kế thuật tại thư hương*” (Người sau tiếp
lời dạy dỗ ở sách thơm). Nhìn chung, vị trí các bàn thờ
đều đặt theo nguyên tắc truyền thống và có ý nghĩa
giáo huấn. Trên các bàn thờ còn đầy đủ các khí tự như
lư đồng, chân đèn, chò quả, lục bình, bát nhang, được
bố trí theo truyền thống “đông bình tây quả”, các bàn
thờ đều chạm khắc công phu, tinh xảo.

Phía ngoài gian giữa là nơi tiếp khách đặt một bàn
bộ trường kỷ màu nâu bóng, bàn hình chữ nhật, hai
ghế được chạm trổ công phu hình nai, lân và các loại
trái cây ở lưng ghế, trên bàn có bình hoa, treo đèn
tổng, tất cả thể hiện sự trân trọng đón khách của gia
chủ. Hai gian bên là hai bộ ván quỳ đen bóng làm bằng
gỗ gõ, một bên là nơi ngủ, nghỉ của chủ nhà, một bên
dành riêng khi có khách đến chơi nghỉ lại. Nhìn tổng
thể, không gian tiếp khách trong nhà là sự phân định
hợp lý đảm bảo tính thống nhất tổng thể các gian
nhà, đồng thời vẫn tạo được tiện nghi thoải mái cho
khách mà không xâm phạm vào nội khí dương trạch,
đây cũng là nét đặc trưng văn hóa truyền thống người

Việt thể hiện qua việc bày trí, phân định trong các ngôi nhà cổ luôn coi trọng tính ổn định và ngôi thứ trong ngoài, trên dưới, từ đại thể đến chi tiết.

Hai chái nhà là hai buồng gói khếp kín nối thông phía sau nội tự là nơi ngủ nghỉ của các thành viên nữ và nơi cất giữ những tài sản có giá trị trong gia đình, được ngăn với nội tự bằng ván (nay xây lại tường gạch). Hai bên cánh én còn giữ nguyên bằng ván, dưới có khung cửa là lối đi vào buồng, hai khung cửa được trang trí khá cầu kỳ, phần chân đế chạm kiểu chân lư, khung cửa bên trên hơi cong kiểu vòm cuốn chạm dây lá - trúc - chim - hươu - nai. Bên trên vòm cửa là vách lá gió được các nghệ nhân chạm thủng, hình ô học, song tiện; khuôn bông chạm lõng hình chim - hoa - hươu - lựu... Kỹ thuật chạm rất uyển chuyển, sinh động.

Ngôi nhà là một công trình tiêu biểu của kiến trúc truyền thống Việt Nam, cộng với cả một công trình chạm khắc vừa có tầm cỡ quy mô, vừa có giá trị thẩm mỹ cao nói lên cái tài, cái tâm của các nghệ nhân xưa, thể hiện mong ước của người xưa về cuộc sống thanh tao, ấm no, hạnh phúc cho các thế hệ con cháu mai sau. Ngôi nhà cũng chuyển tải được phần nào đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa của thời kỳ lịch sử đi khai hoang mở đất của người xưa. Ngày nay sự hiện diện của ngôi nhà như là một món quà góp phần tô điểm

thêm vốn di sản văn hóa độc đáo của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai.

Ngôi nhà hiện do thầy giáo Nguyễn Văn Lợi (cháu nội ông Nguyễn Văn Vạn) đại diện cho gia tộc giữ gìn, trông coi và lo phần hương hỏa cho ông bà tổ tiên. Một điều đáng tiếc là hiện nay toàn khuôn viên của ngôi nhà nằm trong vùng quy hoạch giải tỏa của chính quyền thành phố, có nghĩa là trong tương lai không xa ngôi nhà sẽ bị di dời. Thiết nghĩ chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng quản lý di tích văn hóa cần sớm có phương án bảo tồn, gìn giữ vốn di sản quý giá này.

NHÀ CỔ CỦA GIA ĐÌNH ÔNG NGUYỄN VĂN THÔN

(Phường Bửu Hòa - thành phố Biên Hòa)

Tọa lạc tại số K2/52 ấp Tân Mỹ, phường Bửu Hòa là một trong số 72 ngôi nhà cổ truyền thống của người Việt, tiêu biểu về kiến trúc và nghệ thuật trang trí còn hiện hữu rải rác trên toàn địa bàn thành phố Biên Hòa⁽¹⁾. Ngôi nhà được xác định có niên đại kiến tạo những năm đầu thế kỷ XX, xây dựng trên khu đất rộng 2.000m² bên bờ hữu sông Đồng Nai, dạng nhà theo kiểu chữ đình (丁), nhà trên tức phần nhà thờ là nét dọc, nhà dưới (nhà phụ) là nét ngang. Tổng diện tích toàn nhà lên tới hơn 300m², quay theo hướng đông hướng ra sông, người dân địa phương vẫn quen gọi là nhà thờ họ Lê.

Cũng như bao dòng họ khác, họ Lê có nguồn gốc từ lưu dân vùng Ngũ Quảng, theo làn sóng di dân đến lập nghiệp ở Bửu Hòa vùng đất vốn được sự ưu đãi của thiên nhiên. Trải qua bao đời lao động cần cù, nhẫn nại khắc phục bao khó khăn, gian khổ ban đầu trên vùng đất mới, đến đời ông Lê Văn Ca cơ nghiệp họ Lê đã

(1) Theo thống kê đợt một năm 1998 của Nhà Bảo tàng Đồng Nai kết hợp với Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh và Đại học nữ Chiêu Hòa Nhật Bản, toàn tỉnh có 401 ngôi nhà tiêu biểu kiểu truyền thống, riêng thành phố Biên Hòa hiện hữu 72 nhà.

được gây dựng vững chắc. Ông Lê Văn Ca là một người sống có uy tín và đức độ nên được dân làng Mỹ Khánh (nay là phường Bửu Hòa) tin nhiệm bầu vào Ban Hội tế hay còn gọi là Hội đồng làng giữ chức Hương chủ⁽¹⁾. Là một chức sắc trong làng giàu có và quyền thế, hơn nữa gánh vác trách nhiệm của một trưởng tộc, ông ý thức được sự cần thiết về một ngôi nhà khang trang để thờ tự tổ tiên và là nơi lưu giữ những giá trị đạo đức của lễ giáo gia phong, truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa của cha ông để lại, ông quyết định xây dựng ngôi nhà này vào đầu những năm 1900. Trải qua hơn trăm năm sự hiện hữu của ngôi nhà như một biểu tượng về thành quả mà các bậc tiền nhân trong gia đình và dòng họ Lê đã dày công tạo dựng cho con cháu hôm nay. Bước vào ngôi nhà cho ta cảm giác gần gũi, thân thuộc và thiêng liêng như đang có một sự hòa hợp giữa thân phận nhỏ bé của con người với cái bao la của thiên nhiên bên ngoài, giữa tiền nhân của quá khứ với mơ ước của tương lai.

Theo những người trong dòng họ Lê kể lại: ông Lê Văn Ca chỉ có hai người con: một trai và một gái, người con trai mất trong thời kỳ đánh Pháp còn lại người con

(1) Theo Nghị định ngày 27 tháng 8 năm 1904 của người Pháp được ban hành thành lập Ban Hội tế tại các xã hay còn gọi là Hội đồng làng gồm có 12 nhân viên theo thứ tự như sau: Hương cả, Hương chủ, Hương sư, Hương trưởng, Hương chánh, Hương giáo, Hương quản, Hương bộ, Hương thân, Xã trưởng, Hương hào, Chánh lục bộ. Trong đó Hương chủ giữ nhiệm vụ thanh tra các cơ quan của làng và tường trình cho Hương cả.

gái là bà Lê Thị Cả, khi trưởng thành bà kết hôn cùng ông Nguyễn Văn Thôn người quê ở Bến Tre. Vì gia đình không còn con trai nối dõi tông đường nên theo tục bắt rế ở địa phương thì ông Thôn phải về ở bên nhà vợ, lo hương khói cho tổ tiên, ông bà. Khi bà Lê Thị Cả qua đời ngôi nhà thuộc quyền thừa kế của ông Thôn. Năm 2003, ông Thôn cũng qua đời ngôi nhà này lại được thừa kế cho cô con gái Nguyễn Thị Trí. Hiện tại cô Trí là người nhận trọng trách trông coi, giữ gìn và ngày ngày lo hương khói cho ông bà, tổ tiên.

Lối vào nhà rộng khoảng 2,5m nằm phía sau đi vào từ bên hông nhà, trước kia hàng rào bao quanh nhà và hai bên lối vào được làm bằng các lọ gốm xếp chồng nhau, hiện nay đã được thay bằng tường gạch. Trước nhà có sân đắp vừa rộng chừng 20m², cao khoảng 40cm, trên sân được bày trí thêm vài chậu hoa, cây cảnh tạo cho không gian của ngôi nhà thêm phần sinh động. Toàn bộ tường bao quanh nhà phía ngoài được tô một màu xanh nhạt, mái nhà tương đối bằng phẳng được phủ bởi một màu rêu sẫm của thời gian càng tôn thêm vẻ bề thế và cổ kính. Ngôi nhà tọa lạc giữa khu vườn xanh mướt hoa quả hương thơm ngào ngạt, ngày đêm gió thổi mang theo hơi nước mát rượi từ con sông như tiếp thêm những luồng sinh khí mới cho những người sống nơi đây.

Khung nhà trên theo kiểu xuyên trính có 6 hàng cột,

mỗi hàng 4 cột, tất cả đều gia công từ gỗ gô mật, chân cột được kê tảng chống lún đặt nổi vuông vắn, hàng cột đỡ phần mái hiên trước và hiên sau được xây gạch. Nhà hai mái lợp ngói âm dương hai lớp, nền lát gạch tàu, nhà có 3 gian được chia ra “nội tự - ngoại khách” (trong thờ tự, ngoài tiếp khách), ngăn cách bằng những tấm bình phong. Phía trong, sau nội tự là buồng có vách ngăn bằng ván lợp, phía ngoài ba gian trở ba cửa mở ra mặt trước, cửa ván tấp hệ thống ngạch cửa còn được giữ nguyên cho đến nay, bao lam cửa được chạm thủng theo từng con song làm cho ngôi nhà dù đóng cửa vẫn thông thoáng và đầy đủ ánh sáng chiếu vào bên trong.

Từ nhà chính xuống nhà ngang có một cửa đi ở phía trong và nổi thông hiên trước từ nhà trên xuống nhà ngang. Khung nhà ngang cũng kiểu xuyên trính, ba gian hai chái mở rộng, có 3 hàng cột mỗi hàng 6 cây chân cột kê tảng đặt âm phía trên đắp vữa, nền bằng đất được dẽ chắc và tương đối bằng phẳng, nhà bốn mái lập ngói âm dương hai lớp có vách ván bao quanh nhà. Toàn bộ xuyên, trính, vì kèo của nhà ngang đều để mộc đơn giản, không chạm trổ. Nội thất được chia thành từng ngăn gồm có bếp, kho và nhà tắm. Nhà vẫn còn giữ nguyên hệ thống ngạch cửa ván tấp như nhà chính. Nhìn tổng thể ngôi nhà tất cả cửa đều mở về một phía, nhà trên mở cửa về phía mái nhà, nhà dưới

mở cửa ra đầu hồi có mái hiên để tạo thành sự thống nhất của nhà nhìn từ ngoài vào.

Giữa lòng nhà trên ba gian có ba bàn thờ, bên trái (nhìn từ trong ra) đặt bàn thờ nội tổ, gian thờ bên phải đặt bàn thờ ngoại tổ, gian chính giữa đặt bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ. Ở cả ba bàn thờ, trên có hoành phi sơn son thếp vàng dưới có trang thờ, tất cả còn đầy đủ khí tự qua các đời để lại như: bát nhang, chân đèn, chim hạc, lục bình và chò quả. Phía trên bàn thờ giữa là một khán thờ, giữa thờ Phật, hữu thờ Bồ Tát, tả thờ Quan Công. Qua thời gian bị hư hỏng do mối, mọt, bao lam trên khán thờ đã không còn nguyên vẹn. Dưới khán thờ, hai bên bàn thờ giữa có hai cửa vòm đi vào buồng sau, trên vòm cửa treo môtip bức quyền thư bằng gỗ chạm trổ tinh xảo được sơn son, thếp vàng. Nhìn chung các bàn thờ, tủ thờ đều được chạm khắc, cẩn xà cừ rất công phu và tinh xảo tạo nên sự thâm nghiêm và ấm cúng cho nơi thờ tự.

Phòng khách được bày trí một bàn dài hình chữ nhật và một bàn tròn kế tiếp nhau, bộ ghế được chạm trổ tinh xảo với hình bát bửu hay cấm kỳ thư kiếm thể hiện sự khéo léo và tỉ mỉ của những người thợ và tôn thêm sự trang trọng của khu tiếp khách trong nhà, thể hiện lòng hiếu khách của gia chủ. Hai gian bên vẫn còn hai bộ ngựa làm bằng gỗ gỗ mật đen bóng có từ thời dựng nhà.

Trang trí ở tất cả các hạng mục trong nhà như: kèo cột, bao lam, khung cửa, bàn thờ, tủ thờ, vách ngăn bằng ván lợp đều có bàn tay khéo léo của các người thợ ghi dấu trên đó, chạm khắc đều theo các mô típ truyền thống mang tính ước lệ như mai - điều, long - phụng, Bát Tiên, Phật thủ, hổ lô, dải liên, dải hoa lá... nhưng đáng chú ý nhất là các cây kèo đầu chạm rồng, đuôi chạm đuôi cá, ngay chính giữa các lá dung ở đuôi kèo chạm cách điệu hình lưỡng long tranh hồi thủ và hình các bức quyển thư xen giữa các dây hoa lá. Riêng mặt chạm khắc này cũng đủ để nâng cao tính thẩm mỹ trong nghệ thuật chạm khắc của ngôi nhà, khẳng định giá trị văn hóa truyền thống của người Việt.

Bên cạnh đó phần liên đối, hoành phi được trang trí trong nhà cũng phong phú và giàu ý nghĩa, hiện có tất cả 4 bức hoành phi khắc chữ Hán có nội dung như: *Lê phủ đường* treo ở phòng khách; *Đức lưu phương* treo ở gian giữa khu nội tự; *Phúc Lộc Thọ* treo ở gian bên phải. Còn 6 cặp liên đối đa số viết theo lối gọi là "chữ chân lư" hay viết theo lối cách điệu rất khó đọc đây là một điều đáng tiếc song cũng là một di sản quý và hiếm có cần được giữ gìn. Tiêu biểu là cặp liên đối trong khu nội tự có nội dung như sau:

Tả chiêm hữu mục tự nhất gia thế đại nguyên lưu

Xuân tự thu thường tôn vạn cổ thánh hiền lễ lạc.

Thờ Tả chiêu, Hữu mục trong gia đình đã được lưu truyền từ đời này qua đời khác. Mùa xuân tế tự, mùa thu tế thường noi theo việc tế tự các vị thánh hiền từ đời xưa. Tất cả đều là những lời hay ý đẹp khuyên dạy con cháu đời sau mà các bậc tiền nhân đã gửi gắm qua nội dung của các bức hoành phi hay liễn đối trong nhà.

Đến nay đã gần một thế kỷ qua đi với bao biến cố của gia đình và xã hội, ngôi nhà vẫn giữ được dáng vẻ như buổi ban đầu mặc dù đã nhuộm màu rêu phong, vẫn lặng lẽ đứng soi mình xuống dòng sông Đồng Nai như đang trầm tư suy nghĩ về quá khứ. Giờ đây nó trở thành một tác phẩm kiến trúc có giá trị, mang đậm cái tâm của những con người lao động và sáng tạo nghệ thuật cách nay hàng trăm năm và hơn hết nó là biểu tượng của một nét văn hóa truyền thống người Việt.

NHÀ CỔ CỦA GIA ĐÌNH ÔNG TRẦN NGỌC DU

(*Phường Tân Vạn - thành phố Biên Hòa*)

Đến với vùng đất Tân Vạn, ngoài việc thưởng lãm những vườn trái cây trĩu quả, những lò gốm thủ công mỹ nghệ độc đáo chúng ta còn được chiêm ngưỡng một công trình kiến trúc nghệ thuật đặc sắc, tiêu biểu cho nền kiến trúc thế kỷ XIX: nhà cổ của gia đình ông Trần Ngọc Du.

Nếu chúng ta xuất phát bằng đường bộ và lấy trụ sở Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai làm khởi điểm, theo con đường Cách mạng tháng Tám, vượt qua cầu Rạch Cát, cầu Gành tới ngã tư Chợ Đồn rẽ trái theo tỉnh lộ 16 (hướng Quốc lộ 1) khoảng 1km; đối diện với chùa Vạn Linh bên trái đường là Xí nghiệp Hoàn Thành. Theo con đường hẻm bên hông Xí nghiệp vào 200m, nằm ẩn mình bên dòng sông Đồng Nai là di tích kiến trúc nghệ thuật - dạng kiến trúc dân dụng: nhà cổ Trần Ngọc Du hay còn gọi là nhà cổ Bửu Hiệp, nhà xưa.

Nằm bên hữu ngạn sông Đồng Nai, Tân Vạn là rẻo đất được mở mang trong quá trình di dân khai khẩn vùng đất phương Nam thế kỷ XVII, XVIII.

Địa danh Tân Vạn gắn liền với rất nhiều cách giải thích

khác nhau. Có giả thiết cho rằng Tân Vạn là vùng đất mới, của những số phận phiêu tán dừng chân sinh cơ lập nghiệp. Để chế ngự vùng đất hiểm trở, hoang vu, vùng “rừng thiêng nước độc” này rất cần những tầng lớp cư dân mới... Cách giải thích này xuất phát từ nghĩa Hán Việt của hai từ Tân Vạn. Tuy vậy, địa danh này từng gắn liền với những người đầu tiên đến khai phá: bà Lỗ, ông Dầu, bà Hượt, bà Tô, bà Luống... những thành quả mà họ dày công tạo lập thật đáng trân trọng. Vượt lên những khó khăn buổi đầu, Tân Vạn đã tự khẳng định mình và trở thành một trung tâm giao lưu kinh tế khá quan trọng có ảnh hưởng rất lớn đến các vùng lân cận. Cùng với Cù Lao Phố, Tân Vạn đã hợp thành một khu dân cư đông đúc, phồn thịnh về kinh tế có nét đặc trưng về văn hóa và trở thành một đơn vị hành chính độc lập đặt trong thiết chế chính trị của triều đình nhà Nguyễn. Năm 1808, thời Gia Long, Trấn Biên đổi thành trấn Biên Hòa, huyện Phước Long nâng thành phủ. Tân Vạn là một thôn thuộc tổng Tân Chánh, phủ Phước Long, trấn Biên Hòa. Đến năm 1832, trấn Biên Hòa đổi thành tỉnh Biên Hòa; tổng Tân Chánh chuyển thành huyện Phước Chánh. Tân Vạn thuộc tổng Chánh Mỹ, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa. Năm 1862, Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông, cơ cấu hành chính có sự thay đổi lớn, tổng Chánh Mỹ được chia nhỏ, Tân Vạn trở thành một làng nhỏ.

Di tích được xây dựng vào năm 1900 do ông Trần Ngọc Du đứng ra lo liệu việc xây cất. Các hạng mục của ngôi

nhà đều do ông Du cùng nhóm thợ mộc Bình Dương sáng tạo, hoặc mô phỏng lại các dạng thức nhà ở trong vùng. Sau một thời gian dài từ chuẩn bị nguyên vật liệu, xây dựng, trang trí nội thất đến các nghi thức dân gian, ngôi nhà hoàn tất với tổng diện tích là 500m², bao gồm: nhà trên, nhà dưới và nhà bếp, được bố trí theo kiểu nhà sắp đọi (nhà trên, nhà dưới nối tiếp nhau hay còn gọi là nhà chữ nhị). Ngôi nhà cổ Trần Ngọc Du tồn tại trong một thời gian dài là niềm tự hào của toàn thể gia tộc họ Trần về những thành quả mà mình tạo dựng.

Hơn 100 năm qua, chịu nhiều tác động của điều kiện tự nhiên, xã hội, phạm vi sử dụng cũng như tổng các hạng mục công trình bị thu hẹp so với diện mạo ban đầu, di tích chỉ còn lại khu nhà trên với tổng diện tích là 232m² được bố trí hài hòa trong khuôn viên 1.200m². Tuy nhiên, yếu tố để hình thành một di tích kiến trúc nghệ thuật vẫn hội đủ: đó là những mảng khuôn bông, cánh én, hệ thống cột, kèo... vẫn vững chãi như thờ tạo lập.

Nhà cổ Trần Ngọc Du được thiết kế theo dạng nhà rọi (nhà cột giữa - nhà nọc ngựa) kiểu nhà tương đối phổ biến ở nông thôn Nam bộ với tinh ưu việt là tiết kiệm được gỗ, giảm một số cột tạo không gian bên trong thoáng đãng, mát mẻ. Tuy nhiên, tính vững chắc của bộ khung, độ cao của ngôi nhà vẫn được đảm bảo, đó là yếu tố quan trọng để chúng tồn tại cũng như chống chọi với điều kiện thời tiết Việt Nam. Nhà gồm 3 gian 2 chái, mái lợp ngói âm dương, nền gạch tàu, được xây dựng kiên

cổ trên nền móng cao 60cm so với mặt đất. Ngôi nhà có 36 cây cột gỗ căm xe rắn chắc đen bóng được kê trên chân tảng bằng đá xanh kích cỡ 40cm x 40cm. Số cột chia làm 6 hàng, mỗi hàng 6 cây chạy song song nhau, độ cao hàng cột giảm dần theo chiều xuôi của mái nhà. Hàng cột giữa chia mái nhà thành hai phần bằng nhau, có 4 cây cao 5m và được nối với nhau bằng 1 cây thượng lương. Hàng cột giữa là điểm giao nhau của các vì kèo mái trước và mái sau.

Toàn bộ cột, kèo, xuyên (nối xuyên tâm các hàng cột), đòn tay, rui... đều nối với nhau bằng hệ thống mộng chốt trong thế liên hoàn tạo bộ khung nhà chắc chắn. Các cây xuyên đều được chạy chỉ thẳng tắp, vì kèo được tạo dáng cong, uyển chuyển hai bên hông và mặt dưới được chạm nổi các đề tài dân gian khá tinh xảo. Đặc biệt, mỗi đoạn kèo đều có lá dung vươn dài làm nhịp cầu nối đỡ đoạn kèo phía sau theo kiểu gối đầu đảm bảo tính liên tục, vững chắc. Riêng 6 đoạn kèo hiên được đeo tạc mang tính ước lệ với đường nét thanh thoát, sống động, hai bên hông được chạm nổi những môtip: trúc - tước, mai - điểu, cúc - kê, tùng - lộc... thủ pháp tinh xảo mang tính nghệ thuật cao, tạo cho ngôi nhà dáng vẻ sang trọng, hàm ẩn nhiều ý nghĩa sâu xa.

Là kiểu nhà rọi nhưng ngôi nhà cổ Trần Ngọc Du có kết cấu vì phụ mang kiểu xuyên trính với hệ thống kèo phụ, kèo quyết, kèo đâm giúp cho diện tích ngôi nhà được mở rộng ra hai bên chái và mái trước sau.

Phần bày trí nhà cũng tuân theo bố cục truyền thống: nội tự (trong thờ tự) kéo dài từ 1/2 lòng nhà về phía sau và ngoại khách (ngoài tiếp khách) khoảng 1/2 lòng nhà kéo về phía trước. Hai bên chái là 2 buồng nối thông nhau bằng hành lang nội và điểm chung là có cửa trở ra hành lang đông tây. Hệ thống vách cùng giàn gióng ngôi nhà đều bằng gỗ. Tương ứng ba gian nhà là 3 bàn thờ gia tiên bài trí khá trang trọng. Gian bên trái đặt bàn thờ cùng di ảnh ông Trần Ngọc Phương. Gian bên phải là bàn thờ và di ảnh ông Trần Ngọc Du và Trần Ngọc Thế. Gian giữa là tủ thờ và khánh thờ Quan Thánh cao 1,2m.

Hệ thống kiến trúc với môtip: dơi - trúc - tước, mai - điều, cúc - bướm, Phật thủ, tùng - lộc, hồi văn, hạc - mây... được trang trí trên khuôn bông, cánh én, khánh thờ với thủ pháp thể hiện điêu luyện, nhuần nhuyễn, tinh xảo về hình thức lẫn nội dung biểu đạt đã tôn thêm giá trị nghệ thuật kiến trúc của di tích. Khánh thờ Quan Thánh được chạm nổi môtip rồng chầu trái châu, 2 bên là 2 con kỳ lân hòa lẫn bên những áng mây. Chính diện khánh thờ là hình tượng rồng cách điệu châu đuôi vào nhau nâng niu bức quyển thư. Thân của rồng là hình tượng gốc mai già với những chú chim sẻ trong tư thế chuyển cảnh rất sống động được trở thủng trên nền gỗ cẩm lai. Khánh thờ nổi bật với 2 câu đối nét chữ chân phương được sơn son thếp vàng: *Trung cương huyền nhật nguyệt. Nghĩa khí quán càn khôn* (Tám lòng (Quan Thánh), trung cương vằng vặc như mặt trăng mặt trời. Nghĩa khí ngàn ngụt bao trùm trời đất).

Ngôi nhà cổ là một công trình kiến trúc đặc sắc, là tổng thể hài hòa giữa các hạng mục, mà ở đó mỗi hạng mục là một công trình kiến trúc độc lập có giá trị về mặt nghệ thuật. Ngôi nhà cổ cũng tuân thủ khắt khe nguyên tắc đối xứng từ số gian, số cột, khuôn bông, cửa... tạo tính cân đối vững chãi. Đặc biệt, ngôi nhà đã vượt lên chức năng vốn có thông thường và trở thành một tác phẩm sáng giá về nghệ thuật điêu khắc đại diện cho kiến trúc thế kỷ XIX. Dấu ấn còn lưu lại rõ nét trên từng nét chạm trở tinh xảo, uyển chuyển nơi khuôn bông, cánh én... theo mô típ dân gian đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật điêu khắc. Nghệ thuật trang trí ngôi nhà thể hiện được óc thẩm mỹ của gia chủ lẫn đội ngũ thợ lành nghề.

Di tích nhà cổ Trần Ngọc Du đã được Chính phủ Nhật Bản đầu tư kinh phí trùng tu cũng như cử chuyên gia dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực trùng tu phối hợp thực hiện trong năm 2001. Mục đích là bảo lưu một công trình kiến trúc cổ trước sự xâm hại của thời gian; là địa điểm ghi dấu sự hợp tác về lĩnh vực văn hóa giữa hai Chính phủ Việt Nam - Nhật Bản. Tương lai gần di tích sẽ kết hợp cùng các di tích dọc sông Đồng Nai tạo nên một tuyến du lịch lịch sử - văn hóa rất có giá trị. Di tích là địa chỉ để du khách tới tham quan, học tập, nghiên cứu về kiến trúc cổ.

NHÀ CỔ CỦA GIA ĐÌNH ÔNG TRẦN BÁ LỘC

(Xã An Hòa - thành phố Biên Hòa)

Từ quốc lộ 51 hướng về phía Bà Rịa - Vũng Tàu đến ngã ba Bến Gỗ rẽ phải đi khoảng 2km, cách chợ Bến Gỗ khoảng 100m, ta đến nhà của gia đình ông Trần Bá Lộc có địa chỉ số 192, tổ 5, khu 2, ấp 2, xã An Hòa, thành phố Biên Hòa⁽¹⁾.

Theo lời ông Lộc, ngôi nhà do ông cố của ông là ông Trần Văn Linh xây dựng vào năm 1906. Ông Linh lúc sinh thời cũng từng làm hương chức ở tổng Long Vĩnh Thượng, huyện Long Thành, tỉnh Biên Hòa. Ngôi nhà đã trải qua 4 đời gồm ông Trần Văn Linh, Trần Văn Muôn, Trần Văn Ngàn và hiện nay ngôi nhà thuộc quyền sở hữu của ông Trần Bá Lộc.

Ngôi nhà được xây dựng trong khuôn viên 112m², trên nền đất đắp cao 0,6m so với mặt đất xung quanh. Trước đây, ngôi nhà được bao bọc bởi một hàng rào dâm bụt và vườn cây ăn trái khá rộng, sau này do mở rộng đường liên xã nên diện tích hàng rào và sân bị thu

(1) Được xây bên cạnh nhà của gia đình bà Nguyễn Thị Sáu, theo lời ông Lộc thì ông nội của ông và ông nội của ông Hiến (con trai của bà Sáu) là hai anh em ruột, ông nội ông Lộc là anh.

hẹp như hiện nay. Nhà không xây cổng vào, ngoài sân có đặt vài chậu hoa kiểng để trang trí. Ngôi nhà được chọn quay mặt về hướng đông, đây cũng là một trong những hướng nhà phổ biến ở Đông Nam bộ vì người xưa cho rằng hướng đông là hướng mặt trời mọc, ánh sáng mặt trời vào buổi sáng có tác dụng diệt vi khuẩn làm không khí trong nhà được sạch hơn.

Ngôi nhà được xây theo kiểu sắp đọi hay còn gọi là nhà chữ nhị (二) gồm nhà chính và nhà phụ nối liền nhau. Tường ngoài được xây bằng gạch thẻ và vữa vôi mật, nền nhà được nện kỹ bằng đất (năm 2000 được ông Lộc sửa lại và tráng bằng xi măng), riêng nền của hiên nhà được lót bằng gạch tàu.

Nhà chính được xây theo kiểu kiến trúc mới của đầu thế kỷ XX (hay còn gọi là nhà phố), tuy ảnh hưởng của kiến trúc Pháp nhưng vẫn có hệ thống vì kèo phức tạp của nhà người Việt xưa. Phía trước nhà là một hàng cột gồm 6 cột trụ vuông, phía trên liên kết với nhau bằng một mảng tường tạo thành ba cổng vòm. Dưới vòm cổng bên phải và bên trái là bậc tam cấp dẫn vào trung tâm ngôi nhà chính. Cửa ra vào ở mặt tiền nhà là hệ thống cửa lá sách làm từ gỗ bằng lăng vừa tạo được sự kín đáo lại vừa tạo sự thông thoáng ở bên trong. Phía sau nhà, tương ứng với ba gian nhà chính có hệ thống cửa trập thông ra nhà phụ và vườn.

Kỹ thuật dựng nhà theo kiểu xuyên trính (còn gọi là

nhà rường - một trong những kiểu nhà phổ biến ở Nam bộ), cây trính được uốn cong nối hai hàng cột giữa theo chiều dọc, trên cây trính là bộ "chày - cối" biểu tượng cho sự hòa hợp của âm - dương được nối với đòn dông, các cây xuyên được chạy chỉ thẳng tắp. Nhà có 30 cột tròn làm từ gỗ căm xe, kích thước của các cột thấp và nhỏ dần theo chiều xuôi của mái, phía dưới cột có kê chân tảng hình khối vuông (kích thước: 30cm x 30cm) bằng đá xanh. Đòn tay, rui, mè, ván được làm bằng gỗ bằng lạng. Toàn bộ các cột, kèo, đòn tay, rui, mè... được nối với nhau bằng hệ thống mộng chốt trong thế liên hoàn tạo độ vững chắc cho khung nhà.

Nhà được xây theo kiểu ba gian hai chái, mái lợp ngói âm dương (trước đây lợp 3 lớp, sau này gia chủ có đảo mái lại nên chỉ còn 2 lớp như hiện nay), hai chái có cửa thông ra phía sau nhà. Từ hàng cột thứ tư (tính từ ngoài vào trong, trừ hàng cột hiên) là vách ngăn chia căn nhà làm hai phần gồm nhà trước và nhà sau. Vách ngăn này trước đây cũng được làm bằng gỗ, về sau do bị mục nên ông Lộc đã xây lại một nửa vách ở phía dưới bằng xi măng vào năm 2006. Nhà trước rộng hơn nhà sau và được dùng để thờ cúng và tiếp khách, còn nhà sau chỉ dùng để ở và cất giữ đồ đạc trong nhà.

Ở hàng cột giữa của ba gian chính có treo hai cặp liễn đối được sơn son thếp vàng, tuy đã bị phai màu vì thời gian nhưng vẫn có thể đọc được nội dung như sau:

- Cặp đối thứ nhất:

左昭右穆序一家世代源流
春序秋當尊萬古聖賢禮樂。

Phiên âm:

*Tả chiêu hữu mục, tự nhất gia thế đại nguyên lưu
Xuân tự thu thường, tôn vạn cổ thánh hiền lễ lạc.*

- Cặp đối thứ hai:

雅度春風懋德儀型鄉善士
澄懷秋水長民物望邑嘉賓。

Phiên âm:

*Nhã độ xuân phong, mậu đức nghi hình hương thiên
sĩ*

Trừng hoài thu thủy, trường dân vật vọng ấp gia tân.

Hai câu đối này đều có ý nghĩa khuyên răn con cháu phải sống theo lễ nghĩa mà thánh hiền đã dạy.

Nhà phụ có kích thước nhỏ hơn nhà chính, được dùng làm nhà bếp và là nơi để các đồ gia dụng hàng ngày. Nhà phụ cũng được xây theo kiểu xuyên trính, mái lợp ngói âm dương. Trước đây theo lời ông Lộc, sau nhà phụ còn có nhà kho để lúa, khoảng năm 1973 do nhà bị hư hại và mục nát nhiều nên ông Lộc đã dỡ bỏ ngôi nhà này.

Về cách bày trí trong nhà cũng vẫn theo bố cục truyền thống của người xưa “nội tự - ngoại khách”, nửa bên trong của nhà ngoài dùng để thờ cúng, còn nửa bên ngoài dùng làm nơi tiếp khách. Trong đó gian chính giữa (có diện tích 17,5m²), phần sát với vách ngăn đặt một tủ thờ, không cần xà cừ, chạm khắc cũng đơn giản. Bên trên đặt một bộ lư đồng, 1 chò tứ quả (chân chò làm bằng gỗ) và 1 bình gốm để bông. Đây là bàn thờ gia tiên và cũng là nơi thờ ông Trần Văn Sắt - thân phụ của ông Trần Văn Lịnh. Phía trước bàn thờ đặt một bàn tròn bằng gỗ dùng để tiếp khách. Phía trên có treo một bức hoành phi chữ Hán *Đức lưu phương*, trước đây còn treo một bức hoành phi với nội dung *Vinh Xuân đường* nhưng đến nay đã bị thất lạc.

Gian bên trái (diện tích 17m²), phần sát với vách ngăn đặt một bàn thờ thờ ông bà Trần Văn Lịnh - ông bà nội của ông Lộc.

Gian bên phải (diện tích 17m²), phần sát với vách ngăn đặt bàn thờ của thân phụ và thân mẫu ông Lộc. Phía trước bàn thờ đặt một bàn vuông bằng gỗ.

Cả ba bàn thờ này trước kia được đặt trên một sàn gỗ cao 0,40m so với mặt nền nhà. Về sau ông Lộc sửa lại và dỡ bỏ sàn gỗ này và thay vào đó là những viên gạch được xếp chồng lên nhau cao 0,4m ở mỗi chân của tủ và bàn thờ.

Nhìn chung, ngôi nhà tuy đã được sửa chữa một phần nhưng hầu hết vẫn giữ được yếu tố nguyên gốc lúc ban đầu xây dựng. Phần sân phía trước căn nhà được ông Lộc tận dụng bán hàng cơm và nước giải khát. Tuy ngôi nhà vẫn trong tình trạng bảo quản khá tốt nhưng nếu không có biện pháp tích cực hơn thì thời gian, đặc biệt là quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ ở đây cũng sẽ xóa dần đi dáng vẻ của những ngôi nhà cổ mang dấu ấn của một thời kỳ lịch sử xa xưa của vùng đất xã An Hòa thuộc làng Bến Gỗ xưa kia.

NHÀ CỔ CỦA GIA ĐÌNH ÔNG TRẦN HỮU TÀI

(Xã An Hòa - thành phố Biên Hòa)

Nhà cổ của ông Trần Hữu Tài hiện tọa lạc số nhà 43, thuộc ấp 1, xã An Hòa, thành phố Biên Hòa. Ngôi nhà nằm sát Vàm Bến Gỗ - một nhánh nhỏ chảy ra sông Đồng Nai. Từ quốc lộ 51 hướng về phía Vũng Tàu, đi khoảng 3km đến ngã ba Bến Gỗ, rẽ phải theo con đường liên xã An Hòa và Long Hưng, qua chợ Bến Gỗ, rẽ trái đi khoảng hơn 100m đến cây cầu sắt do Pháp xây dựng, nhìn về phía tay trái là nhìn thấy ngôi nhà cổ của gia đình ông Trần Hữu Tài.

Nhà được xây dựng trên khuôn viên đất có diện tích 778m², tổng diện tích xây dựng là 118m², được bố trí theo kiểu nhà chữ công (⊥), gồm một nhà chính nằm ngang và hai nhà phụ nằm dọc hai bên. Nhà ngang dài và các nhà dọc hơi ngắn hơn.

Theo lời chủ nhà là ông Trần Hữu Tài, ngôi nhà đã được ông cố ngoại của ông là ông Nguyễn Văn Long xây dựng trong suốt một năm, khởi công vào năm 1902 và hoàn thành vào năm 1903. Ông Long trước đây cũng từng là người có chức sắc của tổng Long

Vĩnh Thượng, tỉnh Biên Hòa. Gia đình có nhiều điền sản nên đã chủ trương xây dựng một ngôi nhà kiên cố, vừa là nơi để ở, vừa là nơi thờ tự, cúng bái và là hương hỏa cho con cháu về sau.

Thông thường, một ngôi nhà được làm không chỉ đơn thuần để tạo nơi cư trú, sinh hoạt của gia đình. Theo quan niệm của người xưa, hướng nhà, thế đất cũng có ảnh hưởng đến tương lai của con cháu về sau. Vì thế, trước khi làm nhà, ông Long đã nhờ một thầy địa lý giỏi về phong thủy xem hướng nhà và thế đất của gia đình mình. Trước mặt nhà là Vàm Bến Gỗ (thuộc loại "Minh đường thủy tự", một thế đất đẹp theo thuật phong thủy), xung quanh nhà là vườn cây ăn trái, phía trước là vườn cây cảnh. Ngôi nhà quay mặt về hướng đông - nam, là một trong những hướng tốt theo kinh nghiệm truyền thống của cha ông để lại.

Cổng nhà ở phía tây - nam. Con đường từ cổng không dẫn thẳng vào nhà dọc bên phải mà vòng qua sân đến cửa chính vào nhà ngang theo hướng đông - nam. Rìa sân trước dọc bờ Vàm được kè đá ong, tạo một khoảng sân vừa rộng rãi vừa thoáng mát.

Để có được một ngôi nhà khang trang, ông Long đã mời 12 người thợ chạm khắc và xây dựng lành nghề từ Huế vào, nuôi ăn ở và làm việc liên tục suốt một năm.

Việc xây dựng ngôi nhà cũng được tiến hành tuân thủ theo phong tục, tập quán truyền thống. Nhà chính được xây theo kiểu kiến trúc mới của đầu thế kỷ XX, tuy ảnh hưởng kiến trúc Pháp nhưng vẫn có hệ thống vì kèo phức tạp của nhà người Việt xưa. Phía trước nhà là một hàng gồm 8 cột xây bằng gạch. Cột hình trụ tròn, phía trên liên kết với nhau bằng một mảng tường tạo thành ba cổng vòm. Mặt tường được trang trí các phù điêu đắp nổi và một khuôn hình chữ nhật, trong có đắp nổi ba chữ *Vãng an đường*. Hàng cột với bức tường phía trên được xây cao quá mái dương như chỉ để trang trí, phỏng theo phong cách một ngôi nhà kiểu Pháp. Vì vậy, kiểu nhà này thường được gọi là nhà “hiên tây” hay còn gọi là “tường hoa quá mái”.

Dưới vòm cổng chính là bậc tam cấp dẫn vào cửa trung tâm ngôi nhà chính. Bậc tam cấp được xây từ hai bên châu về cửa chính. Phía hai gian bên không có cổng vào, chỉ được rào bằng những hàng cột trang trí tạo thành hai hàng lang can có thể dùng để ngồi chơi hóng mát, vừa để che chắn tạo sự kín đáo cho căn nhà.

Phía sau “tường hoa” là ngôi nhà chính, cách “tường hoa” một hành lang rộng khoảng 100m, lát gạch bông. Nhà chính thuộc loại nhà ba gian đứng (không có chái), được xây dựng kiên cố trên nền móng cao 0,6m so với mặt đất xung quanh.